

Số: /KL-SNNPTNT

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân; việc thực hiện thu, chi tài chính tại Chi cục Thủy lợi

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Xét Báo cáo Kết quả thanh tra số 49/BC-ĐTTr ngày 17/6/2022 của Trưởng Đoàn thanh tra được thành lập tại Quyết định số 102/QĐ-SNNPTNT ngày 29/3/2022 của Giám đốc Sở về Thanh tra thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân; việc thực hiện thu, chi tài chính tại Chi cục Thủy lợi.

Giám đốc Sở kết luận các nội dung sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Chi cục Thủy lợi là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND tỉnh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Nhiệm vụ chính của Chi cục: Tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng Thường trực BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Tổ chức, bộ máy Chi cục: Năm 2019 – 2020: Lãnh đạo chi cục (01 Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng); 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ (Phòng Hành chính-Tổng hợp; Thanh tra-Pháp chế; Quản lý Công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn; Quản lý Thiên tai) và 01 tổ chức sự nghiệp (Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai). Đến tháng 9/2021, theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh thì bộ máy Chi cục Thủy lợi gồm: Lãnh đạo Chi cục (01 Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng); 02 phòng chuyên môn nghiệp vụ (phòng Hành chính – Thanh tra, phòng Nghiệp vụ) và 01 tổ chức sự nghiệp (Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai).

- Tại thời điểm thanh tra Chi cục có 16 người, gồm: 11 công chức, 01 hợp đồng theo Nghị định 68 (lái xe) và 04 biên chế viên chức sự nghiệp.

II. KẾT QUẢ THANH TRA XÁC MINH

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân

a) Việc ban hành nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân; bố trí trụ sở tiếp công dân và niêm yết nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân

- Chi cục đã ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân (*Quyết định số 07/QĐ-CCTL ngày 04/12/2019, Quyết định số 06/QĐ-CCTL ngày 04/12/2019*); Quyết định phân công công chức tiếp công dân; Đã bố trí phòng tiếp công dân riêng tại Chi cục Thủy lợi; số 21 - đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi; Các trang thiết bị phục vụ cho công tác tiếp dân cơ bản đủ điều kiện để phục vụ cho công tác tiếp công dân; Ban hành lịch tiếp công dân định kỳ đúng, đủ theo quy định; lịch tiếp công dân được niêm yết tại Bảng tin của Chi cục để công dân biết và liên hệ công tác; Công chức được giao nhiệm vụ tiếp công dân đã mở sổ tiếp công dân, sổ theo dõi, xử lý giải quyết đơn thư theo quy định.

b) Việc thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân.

- Hàng tháng, Chi cục Thủy lợi có Thông báo Lịch tiếp công dân định kỳ, thời gian tiếp công dân vào ngày 25 hàng tháng;

- Chi cục trưởng trực tiếp thực hiện tiếp công dân, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tiếp công dân của Chi cục, Phòng Hành chính - Thanh tra chịu trách nhiệm tham mưu giúp Lãnh đạo Chi cục thực hiện công tác này và phân công cho 01 công chức trực tiếp tham mưu, theo dõi, tổng hợp báo cáo.

c) Về xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

- Trong 02 năm (2019, 2020) không có phát sinh đơn thư của công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được gửi hoặc chuyển đến Chi cục.

- Năm 2021, Chi cục Thủy lợi có tiếp nhận và giải quyết 01 đơn phản ánh của ông Hà Văn Tường, thường trú tại xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi (đơn do Văn phòng UBND tỉnh chuyển đến Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 180/VP-NNTN ngày 08/2/2021 và Sở Nông nghiệp và PTNT chuyển đến Chi cục Thủy lợi). Kiểm tra hồ sơ, nhận thấy quá trình giải quyết đơn thư, Chi cục đã giải quyết đơn theo đúng quy định và có Báo số 540/BC-SNNPTNT-TL ngày 03/3/2021 gửi cho Văn phòng UBND tỉnh.

2. Về công tác thu, chi tài chính

2.1. Về công tác xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ về tài chính

Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ sau khi có ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn cơ quan (Nghị quyết), theo đó qui định các nội dung trong quy chế chi tiêu của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013 ngày 7/3/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và theo hướng dẫn của Thông tư Liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài

chính, Bộ Nội vụ ngày 30/5/2017 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

Năm 2019: Ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTL ngày 02/01/2019.

Năm 2020: Ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCTL ngày 18/02/2020.

Năm 2021: Ban hành Quyết định số 20/QĐ-CCTL ngày 31/12/2020.

2.2. Về thực hiện dự toán thu, chi trong 03 năm (2019 – 2021)

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ dự toán năm trước của đơn vị và các văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền, Chi cục Thủy lợi xây dựng dự toán ngân sách gửi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm tra, tổng hợp dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách; việc giao dự toán ngân sách nhà nước qua các năm (2019, 2020, 2021) được Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện giao dự toán cho Chi cục Thủy lợi đảm bảo về thời gian và theo đúng dự toán được UBND tỉnh giao. Cụ thể như sau:

T T	Nội dung	Kinh phí được cấp (đồng)	Quyết định
A	NĂM 2019		
I	Kinh phí năm trước chuyển sang	19.990.412	
1	Quản lý hành chính	8.000.000	
	<i>Tự chủ</i>	8.000.000	
	<i>Không tự chủ</i>		
2	Sự nghiệp kinh tế	11.990.412	
	<i>Thường xuyên</i>	11.990.412	
	<i>Không thường xuyên</i>	0	
II	Tổng dự toán được giao trong năm	3.105.166.000	
1	Dự toán giao đầu năm	2.099.000.000	1142/QĐ-SNNPTNT ngày 28/12/2018
a	Quản lý hành chính	1.868.000.000	
	<i>Tự chủ</i>	1.778.000.000	
	<i>Không tự chủ</i>	90.000.000	
b	Sự nghiệp kinh tế	231.000.000	
	<i>Thường xuyên</i>	231.000.000	
	<i>Không thường xuyên</i>	0	
2	Dự toán giao bổ sung	1.006.166.000	
a	Quản lý hành chính	298.666.000	
	<i>Tự chủ</i>	47.000.000	928/QĐ-SNNPTNT ngày 31/12/2019
	<i>Không tự chủ</i>	251.666.000	90/QĐ-SNNPTNT ngày 26/02/2019
b	Sự nghiệp kinh tế	707.500.000	
	<i>Thường xuyên</i>	1.000.000	928/QĐ-SNNPTNT ngày 31/12/2019
	<i>Không thường xuyên</i>	706.500.000	227/QĐ-SNNPTNT ngày 17/5/2019

III	Tổng kinh phí quyết toán trong năm	3.125.156.412	
1	Quản lý hành chính	2.174.666.000	
	<i>Tự chủ</i>	1.833.000.000	
	<i>Không tự chủ</i>	341.666.000	
2	Sự nghiệp kinh tế	950.490.412	
	<i>Thường xuyên</i>	243.990.412	
	<i>Không thường xuyên</i>	706.500.000	
IV	Dự toán bị hủy	0	
1	Quản lý hành chính		
2	Sự nghiệp kinh tế		
V	KP chuyên năm sau	0	
1	Quản lý hành chính		
2	Sự nghiệp kinh tế		
B	NĂM 2020		
I	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	
II	Tổng dự toán được giao trong năm	5.562.000.000	
1	Dự toán giao đầu năm	4.877.000.000	929/QĐ-SNNPTNT ngày 31/12/2019
a	Quản lý hành chính	2.082.000.000	
	<i>Tự chủ</i>	1.818.000.000	
	<i>Không tự chủ</i>	264.000.000	
b	Sự nghiệp kinh tế	2.795.000.000	
	<i>Thường xuyên</i>	77.000.000	
	<i>Không thường xuyên</i>	2.718.000.000	
2	Dự toán giao bổ sung	900.000.000	
a	Quản lý hành chính	900.000.000	
	<i>Tự chủ</i>		
	<i>Không tự chủ</i>	900.000.000	73/QĐ-SNNPTNT ngày 10/02/2020
b	Sự nghiệp kinh tế		
	<i>Thường xuyên</i>		
	<i>Không thường xuyên</i>		
3	Dự toán giảm	-215.000.000	
a	Quản lý hành chính	-17.000.000	672/QĐ-SNNPTNT ngày 13/11/2020
	<i>Tự chủ</i>	-10.000.000	
	<i>Không tự chủ</i>	-7.000.000	
b	Sự nghiệp kinh tế	-198.000.000	672/QĐ-SNNPTNT ngày 13/11/2020
	<i>Thường xuyên</i>		
	<i>Không thường xuyên</i>	-198.000.000	
III	Tổng kinh phí quyết toán trong năm	5.493.706.530	
1	Quản lý hành chính	2.785.000.000	
	<i>Tự chủ</i>	1.808.000.000	
	<i>Không tự chủ</i>	977.000.000	

2	Sự nghiệp kinh tế	2.708.706.530	
	<i>Thường xuyên</i>	257.000.000	
	<i>Không thường xuyên</i>	2.451.706.530	
IV	Dự toán bị hủy	68.293.470	
1	Quản lý hành chính		
2	Sự nghiệp kinh tế	68.293.470	
V	KP chuyên năm sau	0	
C	NĂM 2021		
I	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	
II	Tổng dự toán được giao trong năm	18.278.232.000	
1	Dự toán giao đầu năm	16.946.000.000	779/QĐ-SNNPTNT ngày 31/12/2020
a	Quản lý hành chính	3.354.000.000	
	<i>Tự chủ</i>	1.875.000.000	
	<i>Không tự chủ</i>	1.479.000.000	
b	Sự nghiệp kinh tế	13.592.000.000	
	<i>Thường xuyên</i>	909.000.000	
	<i>Không thường xuyên</i>	12.683.000.000	
2	Dự toán giao bổ sung	1.332.232.000	
a	Quản lý hành chính	231.732.000	
	<i>Tự chủ</i>		
	<i>Không tự chủ</i>	105.732.000	314/QĐ-SNNPTNT ngày 15/7/2021
		126.000.000	569/QĐ-SNNPTNT ngày 12/11/2021
b	Sự nghiệp kinh tế	1.100.500.000	
	<i>Thường xuyên</i>		
	<i>Không thường xuyên</i>	500.000.000	447/QĐ-SNNPTNT ngày 01/9/2021
		550.500.000	134/QĐ-SNNPTNT ngày 19/4/2021
		50.000.000	747/QĐ-SNNPTNT ngày 27/12/2021
3	Dự toán giảm	-402.000.000	
a	Quản lý hành chính	-218.000.000	
	<i>Tự chủ</i>	-138.000.000	51/QĐ-SNNPTNT ngày 19/01/2021
		-4.000.000	403/QĐ-SNNPTNT ngày 30/7/2021
		-44.000.000	569/QĐ-SNNPTNT ngày 12/11/2021
	<i>Không tự chủ</i>	-12.000.000	569/QĐ-SNNPTNT ngày 12/11/2021
		-20.000.000	747/QĐ-SNNPTNT ngày 27/12/2021
b	Sự nghiệp kinh tế	-184.000.000	
	<i>Thường xuyên</i>	-12.000.000	403/QĐ-SNNPTNT ngày 30/7/2021
	<i>Không thường xuyên</i>	-116.000.000	747/QĐ-SNNPTNT ngày 27/12/2021

		-56.000.000	773/QĐ-SNNPTNT ngày 31/12/2021
III	Tổng kinh phí quyết toán trong năm	17.286.712.714	
1	Quản lý hành chính	3.366.752.000	
	<i>Tự chủ</i>	1.689.000.000	
	<i>Không tự chủ</i>	1.677.752.000	
2	Sự nghiệp kinh tế	13.919.960.714	
	<i>Thường xuyên</i>	311.637.244	
	<i>Không thường xuyên</i>	13.608.323.470	
IV	Dự toán bị hủy	0	
1	Quản lý hành chính		
2	Sự nghiệp kinh tế		
V	KP chuyển năm sau	585.362.756	
1	Quản lý hành chính	585.362.756	
2	Sự nghiệp kinh tế		

(Chi tiết từng nội dung chi có Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo)

3. Kiểm tra 04 nhiệm vụ¹ do Chi cục Thủy lợi thực hiện trong 03 năm từ 2019 – 2021:

3.1. Nhiệm vụ Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa

a) Khái quát về nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách triển khai thi hành hệ thống pháp luật về thủy lợi trên địa bàn tỉnh tại Công văn số 6040/UBND-NNTN ngày 04/11/2019. UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa lớn và vừa tại quyết định số 621/QĐ-UBND. Ngày 29/4/2020, giá trị dự toán phê duyệt là **2.644.000.000** đồng; đồng thời UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa tại Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 18/6/2020. Sở Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư, đơn vị tổ chức thực hiện Chi cục Thủy lợi.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Trung Long đối với gói thầu số 2: Khảo sát địa hình, mua tài liệu và lập quy trình vận hành thuộc nhiệm vụ lập quy trình vận hành 23 hồ

¹ Gồm: Lập bản đồ ngập lụt và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp của 20 hồ chứa nước lớn và vừa; Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa; Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 Hồ chứa nước lớn và vừa; Xây dựng, lắp đặt trạm đo tự động và trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai.

chứa nước lớn và vừa tại Quyết định số 501/QĐ-SNNPTNT ngày 24/9/2020, Chi cục Thủy lợi ký hợp đồng dịch vụ tư vấn số 06/2020/HĐTV ngày 25/9/2020 với tổng số tiền là **2.031.946.000** đồng; Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Bình Sơn đối với gói thầu số 01: Lập đề cương và dự toán kinh phí Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa tại Quyết định số 83/QĐ-SNNPTNT ngày 17/02/2020, chi cục Thủy lợi ký hợp đồng số 01/2020/HĐTV ngày 18/02/2020 với tổng số tiền **31.000.000** đồng; Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Bình Sơn đối với gói thầu số 03: Giám sát khảo sát địa hình thuộc nhiệm vụ lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa tại Quyết định số 493/QĐ-SNNPTNT ngày 16/9/2020, Chi cục Thủy lợi ký hợp đồng số 08/2020/HĐTV ngày 21/9/2020 với tổng số tiền **34.500.000** đồng.

- Kết quả kiểm tra:

TT	Đơn vị thực hiện	Thực hiện hạng mục	Số hợp đồng/ QĐ phê duyệt	Số tiền (dự toán)	Số tiền (thanh toán)
I		Chi phí trực tiếp		2.055.556.000	2.031.946.000
1	Liên danh Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Long	Khảo sát địa hình	Hợp đồng số 06/2020/HĐTV ngày 25/9/2020	918.755.000	911.613.487
2		Tính toán lập Quy trình vận hành (công chuyên gia)		1.022.801.000	1.007.472.513
3		Mua tài liệu mưa, khí tượng		114.000.000	112.860.000
II	Chi cục Thủy lợi	Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ		50.000.000	50.000.000
III		Chi phí gián tiếp		114.021.144	96.030.000
1	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bình Sơn	Giám sát, khảo sát địa hình	08/2020/HĐTV ngày 21/9/2020	34.504.499	34.500.000
2	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bình Sơn	Lập đề cương và dự toán	01/2020/HĐTV ngày 18/02/2020	25.420.800	25.420.000
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thẩm định đề cương nhiệm vụ, dự toán		6.900.900	6.900.000
4	Công ty CP Tư vấn Phát triển Đầu tư và Xây dựng Quảng Ngãi	Lập HSMT, ĐG HSDT	03/2020/HĐTV ngày 03/7/2020	15.041.355	14.625.000
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu		2.239.630	2.240.530
6	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		29.913.960	12.344.470
IV		Dự phòng chi		240.354.000	0
	TỔNG CỘNG			2.644.016.000	2.177.976.000

3.2. Nhiệm vụ lập bản đồ ngập lụt và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp của 20 hồ chứa nước lớn và vừa

- Kết quả kiểm tra:

TT	Đơn vị thực hiện	Thực hiện hạng mục	Số hợp đồng, QĐ phê duyệt	Số tiền (dự toán)	Số tiền (thanh toán)
1	Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi, Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật Phòng chống thiên tai và Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên nước	Điều tra thu thập số liệu	03/2020/ vừa HĐTV ngày 25/12/2020; QĐ số 761/QĐ-SNNPTNT ngày 22/12/2020 với giá trị hợp đồng: 5.219.607.000 đ	137.388.000	136.702.000
		Chi phí khảo sát địa hình		873.300.000	849.396.000
		Chi phí tính toán Lập bản đồ ngập lụt hạ du đập 20 hồ chứa nước lớn và		3.878.461.000	1.727.592.000
		Chi phí Lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp của 20 hồ chứa nước lớn và vừa		356.688.380	132.524.000
2	Chi cục Thủy lợi	Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ	1260/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	75.000.000	25.000.000
3	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bình Sơn	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	04/2020/HĐTV ngày 24/12/2020; QĐ số 767/QĐ-SNNPTNT ngày 24/12/2020	35.561.000	35.560.000
4	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bình Sơn	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí	02/2020/HĐTV ngày 18/02/2020; QĐ số 82/QĐ-SNNPTNT ngày 17/02/2020	83.933.000	80.000.000
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi thẩm định đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí	1260/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	16.786.678	16.786.000
6	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Long	Lập hồ sơ mời thầu	02/2020/HĐTV ngày 30/9/2020; QĐ số 505/QĐ-SNNPTNT ngày 25/9/2020	11.786.000	11.786.000
7	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thẩm định hồ sơ mời thầu	1260/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	2.623.000	2.623.000
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1260/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	2.623.000	2.623.000
9	Sở Tài chính	Thẩm tra phê duyệt Quyết toán	1260/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	31.284.000	0
TỔNG CỘNG				5.505.434.058	3.020.592.000

3.3. Nhiệm vụ lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 Hồ chứa nước lớn và vừa

a) Khái quát về nhiệm vụ:

Nhiệm vụ lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 hồ chứa nước lớn và vừa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương tại Công văn số 6040/UBND-NNTN ngày 04/11/2019 thuộc nhiệm vụ cấp bách triển khai thi hành hệ thống pháp luật về thủy lợi trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 hồ chứa nước lớn và vừa tại quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 21/9/2021, giá trị dự toán phê duyệt là: **3.443.244.000** đồng; Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn Dự án lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 hồ chứa nước lớn và vừa tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 14/5/2020. Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự toán các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 hồ chứa nước lớn và vừa tại Quyết định số 246/QĐ-SNNPTNT ngày 16/6/2021, giá trị gói thầu là: **3.040.982.758** đồng.

b) Kết quả thực hiện:

T T	Đơn vị thực hiện	Thực hiện hạng mục	Số hợp đồng/ QĐ phê duyệt	Số tiền (dự toán)	Số tiền (thanh toán 2020 và 2021)
I		Chi phí trực tiếp		2.654.616.000	1.222.491.000
1	Cty CP TVPTKT Tài nguyên nước	Chi phí xây lắp và thiết bị	HĐ số 11/2021/HĐ-XL ngày 04/8/2021	1.209.024.000	737.244.000
2	Cty TNHH XL và TM Phú Cường			966.878.000	341.923.000
3	Cty TNHH TM và DV tin học QSC			478.714.000	143.324.000
II	Chi cục Thủy lợi	Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ		75.000.000	50.000.000
III		Chi phí khác		75.820.000	75.820.000
1	CTy TVXD Bình Sơn	Chi phí lập nhiệm vụ và Dự toán	Số 07/2020/HĐT V ngày 5/8/2020	49.000.000	48.917.000
2	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi phí thẩm định nhiệm vụ		8.894.000	8.894.000
3	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Trung Long	C/phi lập HSMT, đánh giá HSĐX	HĐ số 05/2021/HĐT V ngày 17/6/2021	9.730.000	9.730.000
4		Chi phí tư vấn giám sát thực hiện	HĐ số 12/2021/HĐTV ngày 05/8/2021	34.595.000	

	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thâm định HSMT và KQ HSMT		2.780.000	2.779.000
	Công ty TNHH TV và TĐG Vasca	Chi phí thâm định giá	HĐ số 1010/2020/HĐ .VASKA ngày 04/8/2020	5.500.000	5.500.000
	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		19.264.000	0
IV		Dự phòng chi		150.376.000	0
	TỔNG CỘNG			2.805.436.000	1.272.491.000

3.4. Nhiệm vụ xây dựng, lắp đặt trạm đo mưa tự động và trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai

a) Khái quát về nhiệm vụ:

Nhiệm vụ xây dựng, lắp đặt trạm đo mưa tự động và trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai được chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí tại Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 15/7/2021, giá trị dự toán phê duyệt là 2.126.186.000 đồng. Sở Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư, đơn vị tổ chức thực hiện là Chi cục Thủy lợi. Đến thời điểm thanh tra, giá trị thực hiện: 1.963.897.600 đồng, trong đó: năm 2021 đã thanh toán 923.000.000 đồng, giá trị chưa thanh toán là 1.052.658,000 đồng.

b) Kết quả thực hiện:

T	Đơn vị thực hiện	Thực hiện hạng mục	Số hợp đồng/ QĐ phê duyệt	Số tiền (dự toán)	Số tiền (thanh toán năm 2021)
I		Chi phí trực tiếp		1.100.000.000	617.703.000
	Công ty CP Tư vấn và PTKT Tài Nguyên nước	Chi phí thiết bị	HĐ số 18/2021/HĐ-MSHH ngày 17/11/2021	1.100.000.000	617.703.000
II	Chi cục Thủy lợi	Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ		30.514.909	25.000.000
III		Chi phí tư vấn		275.775.000	274.905.000
1	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Môi trường Nam Phương	Chi phí khảo sát địa hình	HĐ số 22/2021/HĐ-TV ngày 11/12/2021	255.579.000	252.709.000
2	Công ty TNHH TVXD Bình Sơn	Chi phí giám sát khảo sát và lắp đặt thiết bị	HĐ số 21/2021/HĐ-TV ngày 6/12/2021	18.162.000	18.162.000
3	Công ty TNHH Tư	Chi phí lập	HĐ số	3.034.000	3.034.000

	vận xây dựng Trung Long	HSMT, đánh giá HSDT	52/2021/HĐ-TV ngày 20/9/2021		
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		1.000.000	1.000.000
IV		Chi phí khác		587.153.245	5.392.000
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi phí thẩm định nhiệm vụ và dự toán		392.000	392.000
2	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		11.761.245	0
3	Công ty CP Thẩm định giá BTCVALUE-nhánh Đà Nẵng	Chi phí thẩm định giá		5.000.000	5.000.000
4	Công ty CP Tư vấn và PTKT Tài Nguyên nước	Chi phí vận hành, bảo trì	HĐ số 26/2021/HĐ-MSHH ngày 31/12/2021	570.000.000	0
V		Dự phòng chi		19.174.584	0
	TỔNG CỘNG			2.012.617.738	648.095.000

III. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG THANH TRA

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân

a) Về ưu điểm:

Chi cục thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân cơ bản đúng theo quy định của Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiếp công dân; Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.

b) Về khuyết điểm:

Tuy có bố trí phòng tiếp dân riêng tại Chi cục Thủy lợi, địa chỉ số 21 - đường Hai Bà Trưng - thành phố Quảng Ngãi. Nhưng phòng tiếp dân chưa có bảng tên theo quy định.

2. Về công tác thu, chi tài chính

2.1. Về công tác xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ về tài chính

a) Về ưu điểm:

- Chi cục cơ bản đã căn cứ đúng theo các văn bản hiện hành của từng năm, thời kỳ để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế ban hành đều có ý kiến tham gia của Công đoàn cơ quan; công tác công khai quy chế chi tiêu nội bộ được Chi cục công khai theo hình thức phổ biến đến toàn thể công chức của đơn vị. Quy chế được cơ quan ban hành sớm ngay từ đầu năm, góp phần chủ động chi tiêu của đơn vị.

- Trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung quy chế chi tiêu nội bộ ban hành cơ bản đúng theo quy định.

b) Về khuyết điểm:

(1) Nội dung Quy chế đã ban hành nhưng thực hiện chưa đúng theo Quy chế

- Quy định về thuê xe ô tô đi công tác:

+ Theo Quy chế: Khi thuê xe phải có hợp đồng thuê xe và thanh toán theo hóa đơn, chứng từ theo đúng qui định.

+ Thực tế kiểm tra hồ sơ: Thủ tục thanh toán tiền thuê xe chưa đúng theo quy chế đã ban hành: thiếu giấy đề xuất thuê xe, thiếu giấy đề nghị thanh toán (*Chứng từ chi số 139A ngày 8/9/2021 thanh toán tiền thuê xe đi kiểm tra công trình thủy điện Thạch Nham theo hóa đơn số 065 ngày 25/8/2021; số tiền 900.000 đồng*).

(2) Nội dung đã ban hành, nhưng thực tế không áp dụng

- Quy chế quy định thanh toán tiền đi lại cho cán bộ, công chức nghỉ phép năm:

+ Thanh toán tiền phương tiện đi lại cho cán bộ, công chức nghỉ phép năm đến những nơi không có phương tiện vận tải công cộng thì tự túc bằng phương tiện cá nhân và được thanh toán tiền phương tiện theo km thực đi.

2.2. Về thực hiện dự toán thu, chi trong 03 năm (2019 – 2021)

a) Về ưu điểm:

- Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ, sổ sách tại đơn vị cho thấy cơ bản Chi cục Thủy lợi chấp hành và thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

- Công tác lập và lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo từng nguồn tương đối rõ ràng; thực hiện chế độ kế toán HCSN đúng theo Luật NSNN số 83/2015/QH-13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

- Thực hiện công khai số liệu dự toán giao và số liệu quyết toán hàng năm trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính: Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư 161/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 161/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 .

- Đơn vị đã thực hành các giải pháp tiết kiệm, tăng thu nhập cho CBCC và người lao động.

b) Về khuyết điểm:

- Một số nội dung chi chưa chặt chẽ, thiếu chứng từ chi kèm theo như: giấy đề xuất, phiếu đề nghị thanh toán, tài liệu,... Cụ thể tại các chứng từ: Chi thanh toán tiền mua mực máy photo và máy in; thay thế sửa chữa thiết bị tin học (Chứng từ số 52A ngày 19/5/2020); Thanh toán tiền làm Bảng hội nghị công chức (Chứng từ số 205A ngày 8/1/2021); Thanh toán tiền may rèm cửa theo hóa đơn 9322 ngày 28/5/2021 (Chứng từ số 66T ngày 01/6/2021); Thanh toán tiền sửa chữa máy điều hòa theo hóa đơn 42383 ngày 28/9/2020 (Chứng từ thanh toán 128A); Thanh toán chi phí xây dựng văn bản QPPL (Chứng từ số 156C, 157C ngày 31/12/2019).

- Nhật ký Đoàn Thanh tra là căn cứ để thanh toán tiền bồi dưỡng cho công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành năm 2020, 2021. Tuy nhiên, việc ghi và ký nhật ký Đoàn Thanh tra chưa đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư 05/2014/TT-TTCT ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra.

4. Kiểm tra 04 nhiệm vụ do Chi cục Thủy lợi thực hiện trong 03 năm từ 2019 – 2021:

3.1. Nhiệm vụ lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa

a) Về ưu điểm:

- Qua thanh tra cho thấy, Chi cục đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ, tập trung chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện để giải ngân được nguồn vốn ngân sách tỉnh đầu tư. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sẽ góp phần rất lớn vào công tác dự báo và chủ động phòng tránh thiên tai, lụt bão trên địa bàn tỉnh.

- Hồ sơ thanh toán (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, chứng từ chuyển tiền, hóa đơn) đầy đủ, hợp lý.

b) Về khuyết điểm:

- Chi cục chậm trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt 19 Quy trình vận hành hồ chứa nước lớn và vừa trên địa bàn tỉnh. Đến thời điểm thanh tra, Chi cục đã trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt được 07/19 quy trình vận hành hồ chứa nước và đang tiếp tục trình thẩm định cho các quy trình còn lại.

3.2. Nhiệm vụ lập bản đồ ngập lụt và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp của 20 hồ chứa nước lớn và vừa

- Việc lập dự toán được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

- Lập thẩm định và thanh toán chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ và chi phí lập đề cương nhiệm vụ được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính.

3.3. Nhiệm vụ lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 hồ chứa nước lớn và vừa

a) Về ưu điểm:

- Việc lập dự toán được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2019/ TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ và chi phí lập đề cương nhiệm vụ và dự toán thực hiện đúng theo Thông tư 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

b) Về khuyết điểm:

- Không đưa đầy đủ các thông tin về nhãn mác, xuất xứ hàng hóa và các nội dung chi tiết khác của các loại vật tư, thiết bị (*Cảm biến đo mưa, Máy tính vận hành, Đầu ghi hình camera,...*) vào trong Văn bản hợp đồng số 11/2021/HĐ-XL ngày 04/8/2021 giữa Chi cục Thủy lợi với Liên danh Công ty CP TVPTKT Tài nguyên nước, Công ty TNHH XL và TM Phú Cường, Công ty TNHH TM và DV tin học QSC), không thuận lợi cho việc đối chiếu, kiểm tra khi cần.

3.4. Nhiệm vụ xây dựng, lắp đặt Trạm đo mưa tự động và Trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai

a) Về ưu điểm:

- Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ xây dựng, lắp đặt trạm đo mưa tự động và trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai có đầy đủ căn cứ pháp lý;

- Trình tự tiến hành các bước lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng thi công, nghiệm thu đưa công trình (10 trạm đo mưa tự động và 6 trạm đo mực nước tự động) vào sử dụng đúng quy định, trang thiết bị lắp đặt đúng vị trí, địa điểm, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật như đề cương được duyệt và hồ sơ dự thầu.

- Tại thời điểm thanh tra, công trình đã thực hiện hoàn thành và hoạt động hiệu quả; Chứng từ thanh quyết toán đầy đủ đúng quy định.

b) Về khuyết điểm:

Tuy chứng từ thanh quyết toán đầy đủ đúng quy định nhưng việc thanh quyết toán chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ này vào chung với chi phí quản lý thực hiện các nhiệm vụ được giao khác là chưa phù hợp, khó theo dõi.

IV. TRÁCH NHIỆM:

1. Về trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đơn vị để xảy ra các khuyết điểm nêu trên; trách nhiệm trước hết thuộc về người đứng đầu đơn vị.

2. Về trách nhiệm cụ thể:

- Về những khuyết điểm trong việc thực hiện pháp luật về công tác tiếp công dân, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, công tác thanh tra chuyên ngành, việc sử dụng kinh phí ngân sách cấp: trách nhiệm thuộc Trưởng, phó trưởng phòng Hành chính – Thanh tra, Kế toán và các CCVC, lao động hợp đồng có liên quan.

- Những khuyết điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Chi cục từ năm 2019 – 2021 gồm: (1) Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa; (2) Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 hồ chứa nước lớn và vừa: Trách nhiệm thuộc về Trưởng phòng

Nghị vụ và các công chức được giao theo dõi, tham mưu thực hiện các nhiệm vụ này.

V. KIẾN NGHỊ VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị:

a) Đối với Sở Nông nghiệp và PTNT

Chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ Sở tham mưu cho Giám đốc Sở tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Chi cục Trưởng Chi cục Thủy lợi về thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

b) Đối với Chi cục Thủy lợi:

- Sớm sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo đúng qui định hiện hành đồng thời phù hợp với thực tiễn áp dụng tại đơn vị.

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát trong nội bộ đối với việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các trường hợp vi phạm.

- Đẩy nhanh tiến độ trình cấp có thẩm quyền, thẩm định phê duyệt 12 quy trình vận hành hồ chứa nước còn lại, thời gian hoàn thành trong Quý III/2022.

2. Biện pháp xử lý:

a) Xử lý về trách nhiệm:

Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm về những khuyết điểm đã nêu trong Kết luận đối với công chức, lao động thuộc Chi cục quản lý, có biện pháp cụ thể để khắc phục từng khuyết điểm. Thời gian hoàn thành việc kiểm điểm là 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận.

2. Xử lý về kinh tế: Không.

Yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi nghiêm túc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra; tổ chức niêm yết công khai Kết luận này tại Chi cục trong 15 ngày liên tục. Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận này phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận cho Giám đốc Sở (*có cung cấp các hồ sơ chứng minh kèm theo*), đồng thời gửi Thanh tra Sở để theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

(Chi tiết có bảng tổng hợp kiến nghị xử lý trách nhiệm kèm theo)

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- GD, PGD Sở (A. Hùng);
- Chi cục Thủy lợi;
- Phòng TCCB Sở;
- Lưu: HSTTr.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 2128/KL-SNNPTNT ngày 27/6/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
I	CÁ NHÂN					
1	Võ Đoàn- Chi cục trưởng – Chi cục Thủy lợi	Trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đơn vị để xảy ra khuyết điểm	X			
2	Bùi Đức Thái – Phó Chi cục trưởng – Chi cục thủy lợi	Trách nhiệm liên đới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đơn vị và làm Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành năm 2020 để xảy ra khuyết điểm	X			
3	Nguyễn Phú Trường – TP. Hành chính – Thanh tra - CCTL	Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo phòng Hành chính – Thanh tra còn khuyết điểm về công tác tiếp công dân, công tác thanh tra chuyên ngành, việc ban hành và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020 của đơn vị.	X			
4	Phạm Thị Kim Tuyền – PP. Hành chính – Thanh tra – CCTL.	Trách nhiệm trong việc tham mưu cho lãnh đạo phòng Hành chính – Thanh tra còn khuyết điểm trong việc ban hành và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020 của đơn vị.	X			
5	Đào Công Trứ - TP. Nghiệp vụ	Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo phòng	X			

		Nghiệp vụ khuyết điểm về việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của Chi cục từ năm 2019 – 2021, và khuyết điểm trong việc trực tiếp thực hiện nhiệm vụ Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 23 hồ chứa nước lớn và vừa.				
5	Bùi Thị Đoan Dung – Kế toán	Các khuyết điểm trong công tác thu, chi tài chính của đơn vị.	X			
6	Huỳnh Quang Tào – Chuyên viên	Khuyết điểm trong việc trực tiếp tham mưu thực hiện nhiệm vụ Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa	X			
7	Đỗ Sơn – Chuyên viên	Khuyết điểm trong việc trực tiếp tham mưu thực hiện việc tiếp công dân; việc thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành.				
II	TỔ CHỨC					
1	Chi cục Thủy lợi	Các khuyết điểm nêu trên				
2	Phòng Hành chính – Thanh tra	Khuyết điểm về công tác tiếp công dân, công tác thanh tra chuyên ngành, việc ban hành và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.				
3	Phòng Nghiệp vụ	Khuyết điểm về việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của Chi cục từ năm 2019 – 2021				